

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1971,

Địa chỉ: Khu 1, xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu 1, xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Chị N được quyền sử dụng một nửa thửa đất về phía nhà ông Lê Văn T diện tích là 203,6 m<sup>2</sup> tại thửa số 24, tờ bản đồ số 07, sở hữu phần nhà ở nằm trên diện tích đất nêu trên, được quyền sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 50, tờ bản đồ số 07 diện tích 166,5 m<sup>2</sup>; thửa số 19, tờ bản đồ số 07 diện tích 262,1 m<sup>2</sup>; thửa số 105, tờ bản đồ số 04 diện tích 212,6 m<sup>2</sup> đều tại khu 1, xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ và các đồ gia dụng gồm: 01 tivi, 01 tủ ly, 01 hòm sắt, 01 bàn ghế gỗ, 01 tủ tường.

Anh B được quyền sử dụng một nửa thửa đất về phía giáp ranh ông Lê Văn K diện tích là 208 m<sup>2</sup> tại thửa số 24, tờ bản đồ số 07, phần nhà ở, nhà bếp nằm trên diện tích đất nêu trên, 04 thửa ruộng gồm: thửa số 469, tờ bản đồ số 07 diện tích 144,1 m<sup>2</sup>; thửa số 49, tờ bản đồ số 04 diện tích 153,5 m<sup>2</sup>; thửa số 284, tờ bản đồ số 03 diện tích 258,5 m<sup>2</sup>; thửa số 281, tờ bản đồ số 03 diện tích 213,7 m<sup>2</sup> đều tại khu 1, xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ và 01 tủ lạnh.

(Có biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 13/3/2019 và trích lục bản đồ kèm theo).

Chị N có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho anh B là 13.400.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Thời hạn thanh toán là ngày 25/6/2019.

Xác nhận chị N đã thanh toán đủ số tiền thanh toán chênh lệch tài sản cho anh B là 13.400.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo giấy biên nhận tiền ngày 25/6/2019.

Về án phí: Chị Phan Thị N tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0001759** ngày **02/01/2019** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị N còn được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Q, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP-KT.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Trần Đình Chi**